

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số: 083 ngày 25/1/2020
	CHUYỂN
	Lãnh đạo CC: <i>[Signature]</i>
	Phòng: <i>[Signature]</i>
Sao:	

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 41/ĐV/2020

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ

Tên tổ chức, cá nhân : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ĐỨC VIỆT**

Địa chỉ: Thôn Liêu Hạ - Xã Tân Lập - Huyện Yên Mỹ - Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0221.3970 229/ 30 Fax: 0221.3970 231

Email: info@ducvietfoods.vn

Mã số doanh nghiệp: 0900214029

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 01/2019/NNPTNT-0321

Ngày cấp: 04/01/2019 thay thế giấy chứng nhận số 182/2016, ngày 05/01/2016.

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. **Tên sản phẩm:** ĐỨC VIỆT HANDY - Xúc xích ăn liền vị heo

Xuất xứ: Việt Nam

2. **Thành phần**

Thịt gà, nước đá, chất ổn định (1412), đạm đậu nành, đường, muối, chất nhũ hóa (451i, 450i), chất điều chỉnh độ axit (262i), hương heo tổng hợp 0.2 %, chất điều vị (621), bột hương hành tự nhiên, màu thực phẩm tự nhiên chiết xuất từ ớt, chất chống oxy hóa (316), chất ổn định màu (250).

3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm.**

Hướng dẫn bảo quản:

Sản phẩm bảo quản trong 3 tháng ở nhiệt độ thường kể từ ngày sản xuất, tại nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Hướng dẫn sử dụng:

Tháo bỏ vỏ ngoài, rồi dùng ngay hoặc chế biến thành những món ăn khác tùy ý.

Lưu ý:

- Nếu sản phẩm đã bỏ vỏ ngoài phải sử dụng ngay.

- Khi vỏ ngoài cây xúc xích đã thủng hoặc rách thì tuyệt đối không sử dụng.

4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì**

4.1. Quy cách đóng gói:



QUY CÁCH SẢN PHẨM						
Khối lượng tịnh 1 chiếc	Số chiếc/ túi	Khối lượng tịnh/gói	Số túi/ thùng (hộp)	Khối lượng tịnh/ thùng (hộp)	Số túi/ thùng (hộp)	Khối lượng tịnh/ thùng (hộp)
<i>g/chiếc</i>	<i>chiếc/ túi</i>	<i>g/ túi</i>	<i>túi/thùng (hộp)</i>	<i>kg/ thùng (hộp)</i>	<i>túi/thùng (hộp)</i>	<i>kg/ thùng (hộp)</i>
15	4	60	35	2.1	70	4.2
21	5	105	20	2.1	40	4.2
30	5	150	14	2.1	28	4.2
35	3	105	20	2.1	40	4.2
35	5	175	12	2.1	24	4.2
40	4	160	15	2.4	20	3.2
40	5	200	15	3	20	4
45	3	135	10	1.35	15	2.025
45	1	45	12	0.54	20	0.9
50	1	50	42	2.1	84	4.2
70	1	70	30	2.1	60	4.2

4.2. Sản phẩm được bao gói bằng chất liệu bao bì:

- Xúc xích được chứa trong bao bì màng PVDC đạt tiêu chuẩn của QCVN 12 -1:2011/BYT: Quy chuẩn quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Sản phẩm được bao gói bởi bao bì PP/PET/PA/PE/LLDPE , hộp giấy, thùng carton phù hợp với tiêu chuẩn về bao gói thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (Trường hợp thuê cơ sở sản xuất).

Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần thực phẩm Đức Việt

Địa chỉ: Thôn Liêu Hạ, xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật số 55/2010/QH12 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2010 (luật an toàn thực phẩm).
- Nghị định 15/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm
- Thông tư 24/2019/TT –BYT ban hành ngày 30/8/2019 (Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm).
- Thông tư số 24/2013/TT-BYT ban hành ngày 14 tháng 08 năm 2013 về: “Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm“.



2

Phụ lục 1 : DỰ THẢO TEM NHÃN

ĐỨC VIỆT HANDY - XÚC XÍCH ĂN LIỀN VI HEO

Thành phần:

Thịt gà, nước đá, chất ổn định (1412), đạm đậu nành, đường, muối, chất nhũ hóa (451i, 450i), chất điều chỉnh độ axit (262i), hương heo tổng hợp 0.2%, chất điều vị (621), bột hương hành tự nhiên, màu thực phẩm tự nhiên chiết xuất từ ớt, chất chống oxy hóa (316), chất ổn định màu (250).

Chỉ tiêu chất lượng:

Protein: $\geq 5\%$

Lipit: $\leq 15\%$

Năng lượng: ≥ 160 kcal/100g.

Hướng dẫn sử dụng:

Tháo bỏ vỏ ngoài, sau đó dùng ngay hoặc chế biến thành các món ăn khác tùy ý.

Lưu ý:

- Nếu sản phẩm đã bỏ vỏ ngoài phải sử dụng ngay.

- Khi vỏ ngoài cây xúc xích bị thủng hoặc rách thì tuyệt đối không được sử dụng.

Hướng dẫn bảo quản:

Sản phẩm bảo quản ở nhiệt độ thường, tại nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Lưu ý:

- Tránh để sản phẩm gần nơi có chuột, bọ và côn trùng.

Thời hạn sử dụng: 3 tháng kể từ ngày sản xuất.

NSX, HSD: Xem trên bao bì

Thông tin cảnh báo:

- Không sử dụng sản phẩm sau ngày hết hạn.

- Trong sản phẩm có chứa: đạm đậu nành, tinh bột biến tính, bột bắp.

Khối lượng tịnh:

Sản xuất tại: Công ty CP thực phẩm Đức Việt

Địa chỉ: Liêu Hạ - Tân Lập – Yên Mỹ - Hưng Yên- Việt Nam

Tel: 0221.3970229/30 – Fax: 0221.3970231

Website: www.ducvietfoods.vn

Ingredients:

Chicken, ice, stabilizer (1412), soy protein, sugar, salt, emulsifier (451i, 450i), acidity regulator (262i), synthetic meat flavor, flavor enhancer (621), natural pilgrim powder, natural chili color extract, antioxidant (316), color stabilizer (250).

Nutrition facts:

Protein: $\geq 5\%$

Lipids: $\leq 15\%$

Energy: ≥ 160 kcal / 100g.

Preparation:

Product can be used directly after peeling off, served with sandwich, noodle or processed with other dishes preferably.

Note:

- Product must be used immediately after peeling off.

Preservation:

Products should be stored at general temperature, in a clean and dry place, and keep away from direct sunlight.

Note:

- Avoid leaving the product near rats, bugs and insects.

Expiry date: 3 months from date of manufacture.

MFG, EXP: See on the package

Warning: - Do not use the product after the expiration date.

- The product contains: soybean protein, modified starch, cornstarch.

- When the outer shell of the sausage is punctured or torn, it must not be used

Net weight:

Mã Vạch





PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 291-1/Labo XNATVSTP

Tên mẫu/Name of Sample: Đức Việt Handy - Xúc xích ăn liền vị heo

Mã số/Code: 0820291-1

Số lượng mẫu/Quantity: 200g/gói x 3 gói

Tình trạng mẫu/Conditional keeping: Mẫu được đóng gói kín.

Người/Đơn vị gửi mẫu/Customer: Công ty cổ phần Thực phẩm Đức Việt

Địa chỉ/ Add: Thôn Liêu Hạ, xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Ngày gửi mẫu/Date of receiving : 18/08/2020

Thời gian kiểm nghiệm/ Testing time: Từ 18/08/2020 đến ngày 08/09/2020

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM (Test Result)

TT	Chỉ tiêu(Specification)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp (Test method)	Kết quả (Result)
1.	Hàm lượng protein*	g/100g	AOAC 981:10	6,8
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,6
3.	Hàm lượng muối	%	TCVN 4591:88	1,0
4.	Hàm lượng Carbohydrat(*)	%	TCVN 4594 : 1988	14,0
5.	Định tính H ₂ S	-	TCVN3699:90	Âm tính
6.	Độ ẩm	%	HPP13	62,2
7.	Hàm lượng Lipid*	g/100g	TCVN 4592:88	8,9
8.	Năng lượng tổng số	kcal/100g	HPP/46	163
9.	Hàm lượng đường tổng số	%	TCVN 4594 : 1988	4,2
10.	Hàm lượng xơ thô	g/100g	TCVN 5103:1990	0,6
11.	Hàm lượng NH ₃	mg/100g	TCVN 3706:90	5,5
12.	Hàm lượng Nitrit	mg/kg	H.HDQT.176	KPH

1. Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.

3. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS.

4. Không nhận khiếu nại kết quả kiểm nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.



13.	Chì	mg/kg	AAS-H.HDQT.051	KPH
14.	Cadimi	mg/kg	AAS-H.HDQT.051	KPH
15.	Thủy ngân	mg/kg	AAS-H.HDQT.057	KPH
16.	Tổng số <i>Ecoli</i> *	CFU/g	TCVN 7924-2: 2008	KPH
17.	Tổng số vi khuẩn hiếu khí*	CFU/g	TCVN 4884:2015	40
18.	Tổng số <i>coliforms</i> *	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH
19.	Định lượng <i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	TCVN4991:2005	KPH
20.	Định lượng <i>Clostridium botulium</i>	CFU/g	TCVN 9049:2012	KPH
21.	Phát hiện <i>Listeria monocytogens</i>	/25g	TCVN 7700-1 : 2007	KPH
22.	Định lượng <i>Staphylococcus aureus</i> *	CFU/g	TCVN 4830-1:2005	KPH
23.	Phát hiện <i>Salmonella</i> *	/25g	TCVN 4829:2005	KPH

KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).



LÃNH ĐẠO TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Dinh Thị Diệu Hằng

Hải Dương, ngày 08 tháng 09 năm 2020

Labo XNATVSTP

ThS. Hoàng Thị Thu Huyền

1. Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.
3. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS.
4. Không nhận khiếu nại kết quả kiểm nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.